

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Việt

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Minh

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 22/8/2018, tại Hội trường, Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2018/TLS-HNGĐ ngày 19/4/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Đội 3, thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Gia K, sinh năm 1971.

Địa chỉ cư trú: Đội 3, thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 19/4/2018, được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Lê Gia K tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện; anh, chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01 ngày 19/7/2005 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với bố, mẹ anh K được vài tháng thì hai vợ chồng chuyển về sinh sống với bố, mẹ đẻ của chị tại thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, anh K hay uống rượu say xỉn về chửi bới vợ con. Vào năm 2011, chị đi lao động ở

nước ngoài để cải thiện kinh tế gia đình nhưng làm ăn khó khăn, anh ở nhà không tin tưởng về kinh tế, tình cảm; chửi bới, xúc phạm mẹ của chị; đến tháng 6/2015 chị về nước nhưng vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay mà không ai quan tâm đến ai. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Gia K.

Tại Bản tự khai ngày 21/6/2018, các Biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn anh Lê Gia K trình bày: Quá trình kết hôn giống như chị V trình bày, quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2011, chị V đi xuất khẩu lao động tại nước Nga nhưng anh không đồng ý, chị đi làm ăn không có tiền nhưng không chịu về nước để nuôi con. Vì vậy, anh gọi điện thoại có nặng lời với chị. Năm 2015 chị V về nước và không sống chung với anh mà vào sống cùng nhà với bố, mẹ đẻ của chị V cho đến nay mà không ai quan tâm đến ai. Anh cũng muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị V không chấp nhận, anh K thừa nhận thỉnh thoảng có uống rượu với bạn bè nhưng không đến nỗi say xỉn về nhà đánh đập, chửi bới vợ con như chị V trình bày trước toà. Hiện tại, anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí ly hôn với chị V.

- Về con chung: Chị V và anh K cùng khai vợ chồng có 02 con chung là Lê Phương T, sinh ngày 03/02/2006 và Lê Thị Khánh P, sinh ngày 11/02/2008. Khi ly hôn, chị V có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung vì chị là lao động tự do có thời gian, điều kiện hơn anh K và các con còn nhỏ, cần mẹ chăm sóc hơn; anh K là công nhân đi làm giờ giấc không ổn định, không đảm bảo việc nuôi con. Chị V yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Khánh P mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, thời gian kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Anh K trình bày anh là công nhân kỹ thuật điện, làm theo ca cố định, có thể sắp xếp thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng con được hoặc khi cần anh có thể nhờ anh chị em của anh đưa đón, chăm sóc con và anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Thị Khánh P, giao con Lê Phương T cho chị V nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị V, anh K cùng khai vợ chồng không có nợ chung. Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Gia K kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Năm 2011, chị V đi lao động ở nước ngoài, anh K ở nhà chăm sóc, nuôi dạy con cái có sự hỗ trợ của ông, bà ngoại các cháu. Năm 2015, chị V về nước nhưng không chung sống với anh K mà vào ở với bố, mẹ đẻ của chị. Lẽ ra, vợ

chồng sau nhiều năm xa cách nay được đoàn tụ gia đình anh, chị phải thương yêu, quý trọng nhau hơn nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh, chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị V vẫn giữ nguyên ý chí ly hôn vì chị xác định không còn tình cảm với anh K và anh K cũng nhất trí ly hôn với chị V vì xác định mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị V và anh K là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Chị V và anh K đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chứng tỏ cả anh, chị đều rất thương yêu, lo lắng quan tâm đến con cái. Khi ly hôn, chị V có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Phương T, sinh ngày 03/02/2006 và Lê Thị Khánh P, sinh ngày 11/02/2008. Chị V yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Khánh P mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, thời gian kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Sau ly hôn, anh K có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Thị Khánh P, giao con Lê Phương T cho chị V nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Tại bản tự khai ngày 16/7/2018, các cháu Lê Phương T và Lê Thị Khánh P đều trình bày không muốn ba, mẹ ly hôn nhưng nếu ba, mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu được ở với mẹ để được mẹ chăm sóc và thuận tiện cho việc học tập.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại anh K đang là công nhân kỹ thuật, phải làm việc theo ca nên không chủ động về thời gian; chị V là lao động tự do, chủ động được về thời gian; các cháu Lê Phương T và Lê Thị Khánh P cũng có nguyện vọng được ở với mẹ để thuận tiện cho việc học tập; hơn nữa các cháu đang còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ hơn nên cần thiết giao 02 con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh K cấp dưỡng nuôi con cùng chị V mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, thời gian kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị khai không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Lê Gia K.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung Lê Phương T, sinh ngày 03/02/2006 và Lê Thị Khánh P, sinh ngày 11/02/2008 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; anh K cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Khánh P mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, thời gian kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, anh Lê Gia K phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Số tiền chị V phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0001748 ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt các bên đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/8/2018) để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- UBND xã A;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Minh

Nguyễn Ngọc Sơn

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Đồng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Phượng được ly hôn anh Nguyễn Văn Đồng.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Giao 02 con chung Nguyễn Quang Hà, sinh ngày 20/02/2013 và Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 17/02/2017 cho chị Phượng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Đồng không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phượng không yêu cầu vì chị có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Buộc chị Nguyễn Thị Phượng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0001744 ngày 11 tháng 4 năm 2018.

Án xử công khai có mặt các bên đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm..

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lê Thuận Sơn

Nguyễn Ngọc Sơn

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Việt

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Minh

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 10/8/2018, tại Hội trường, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2018/TLS-HNGĐ ngày 03/4/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Đại Điền, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Thượng Giang, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tranh, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Thượng Giang, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 03/4/2018, được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn anh Hoàng Đại Điền trình bày:

- Về tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thị Tranh tìm hiểu và quyết định kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyền số 01/1988 ngày 07/9/1988 của UBND thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh đi làm xa chị Tranh ở nhà đánh bài bạc, anh khuyên can nhiều lần nhưng chị Tranh vẫn không nghe, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và không ai nhường nhịn ai; năm 2004 anh Điền làm đơn xin ly hôn nhưng do thương con và liên quan đến nhà cửa, đất đai nên đã rút đơn ly hôn; anh tiếp tục đi làm ăn xa nhiều năm không về nhà, những năm gần đây mỗi khi có việc hiếu, hỷ anh về quê đều ở nhà nội, các con anh đề nghị anh đến ở chung với con cho có tình cảm nên anh đến ở chung với các con, vợ chồng cắt đứt quan hệ, sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay mà không ai quan tâm đến ai. Anh Điền xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Tranh.

Tại Bản tự khai, Biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn chị Nguyễn Thị Tranh trình bày: Quá trình kết hôn giống như anh Điền trình bày, quá trình chung sống vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, mỗi khi anh về quê vợ chồng vẫn sống chung, ăn chung với nhau; chị Tranh thừa nhận có chơi bài với chị em buôn bán ở chợ giải trí buổi trưa khi không có khách mua hàng; mặc dù anh Điền chung sống với người khác đã có con nhưng chị Tranh vẫn còn tình cảm với anh Điền, chị Tranh không đồng ý ly hôn với anh Điền để con có cha mẹ, cháu có ông bà.

- Về con chung: Anh Điền, chị Tranh cùng khai có 03 con chung, hai con đầu đã trưởng thành muốn sinh sống với ai thì tùy thuộc vào sự lựa chọn của các con, con út Hoàng Thị Hương, sinh ngày 09/3/2001 hiện nay đang sống cùng chị Tranh. Khi ly hôn, anh Điền có nguyện vọng giao cháu Hương cho chị Tranh trực tiếp nuôi dưỡng, anh Điền tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tranh mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian kể từ tháng 8/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi; nếu ly hôn chị Tranh cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Hoàng Thị Hương và không yêu cầu anh Điền cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 6 năm 2018, cháu Hoàng Thị Hương trình bày: Cháu không muốn ba mẹ ly hôn nhưng nếu ly hôn cháu xin ở với mẹ để mẹ chăm lo cháu học hành vì ba đi làm ăn xa.

- Về tài sản chung: Anh Điền và chị Tranh cùng khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Điền, chị Tranh cùng khai không nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đại Điền và chị Nguyễn Thị Tranh kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh, chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên không hợp nhau về tính cách, thiếu thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, vợ chồng đã có thời gian sống hạnh phúc nhưng cả anh và chị đều không biết cách bảo vệ hạnh phúc lâu dài, anh Điền thường xuyên đi làm ăn xa, khi có việc gia đình mới về nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị Tranh thiếu sự quan tâm, chia sẻ, động viên, níu kéo tình cảm với anh Điền; Toà án đã hoà giải, động viên anh Điền trở lại đoàn tụ vợ chồng để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái nhưng anh Điền xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Tranh. Bên cạnh đó, mặc dù đã được Toà án động viên, tạo điều kiện về thời gian nhưng chị Tranh chưa thực sự chủ động gặp gỡ, níu kéo, động viên anh Điền trở lại đoàn tụ vợ chồng; anh, chị sống ly thân đã lâu mà không ai quan tâm đến ai, anh trình bày chị cờ bạc anh khuyên can nhiều lần vẫn không thay đổi, chị trình bày anh sống chung với người khác và đã có con riêng chứng tỏ tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần thiết cho anh Điền được ly hôn chị Tranh là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Sau ly hôn, anh Điền có nguyện vọng giao con Hoàng Thị Hương cho chị Tranh trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tranh mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian kể từ tháng 8/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi; chị Tranh cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Hoàng Thị Hương, cháu Hương cũng có nguyện vọng được ở với mẹ; mặc dù chị Tranh không yêu cầu anh Điền cấp dưỡng nuôi con nhưng chị không chứng minh được thu nhập của mình đủ khả năng, điều kiện nuôi con, nếu anh Điền không tự nguyện cấp dưỡng thì Hội đồng xét xử cũng ấn định mức cấp dưỡng nuôi con để đảm bảo quyền lợi cho con dưới 18 tuổi. Vì vậy giao cho chị Tranh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Hương và chấp nhận nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con của anh Điền là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hoàng Đại Điền được ly hôn chị Nguyễn Thị Tranh.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Hoàng Thị Hương, sinh ngày 09/3/2001 cho chị Tranh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Điền cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tranh mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian kể từ tháng 8/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Hoàng Đại Điền phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Số tiền anh Điền phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0001741 ngày 03 tháng 4 năm 2018. Anh Điền phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt các bên đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/8/2018).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- UBND thị trấn Kiến Giang;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Ngọc Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Văn Việt

Nguyễn Thị Hồng Minh

Nguyễn Ngọc Sơn

